

ĐẶC ĐIỂM HÀNH VI BẤT NẠT TRỰC TUYẾN
CỦA GIỚI TRẺ HỌC ĐƯỜNG Ở VIỆT NAM

CHARACTERISTICS OF ONLINE BULLYING BEHAVIORS
OF SCHOOL STUDENTS IN VIETNAM

TRẦN THANH NGUYỄN*, LÊ VĂN HIỀN**, ttnguyen@iemh.edu.vn

*Trường Cán bộ quản lý giáo dục TP. Hồ Chí Minh

** Đại học Sài Gòn

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 09/6/2024 Ngày nhận lại: 15/6/2024 Duyệt đăng: 20/6/2024 Mã số: TCKH-S02T6-2024-B05 ISSN: 2354 - 0788 Từ khóa: hành vi, bắt nạt trực tuyến, giáo dục ngôn ngữ, giới trẻ học đường. Keywords: behavior, cyberbullying, language education, school students.	<i>Bài viết tổng quan một số nghiên cứu về hành vi bắt nạt trên mạng và trình bày kết quả khảo sát đặc điểm của hành vi bắt nạt trên mạng về: đối tượng, chủ thể, phạm vi, nội dung, phương tiện,... thực hiện hành vi; từ đó đặt ra vấn đề nghiên cứu giáo dục sử dụng ngôn ngữ trên mạng Internet cho học sinh.</i> ABSTRACT <i>The paper reviews literature about cyberbullying behaviors and presents the results of a survey on the characteristics of cyberbullying behavior regarding objects, subjects, scope, content, means, etc. thereby stating a problem of research on educating language used on the Internet for students.</i>

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển vượt bậc của mạng Internet đã tác động mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống, đem đến những giá trị to lớn nhằm phục vụ cho các hoạt động của con người; từ đó, thu hút được một lượng lớn người trên thế giới tham gia sử dụng, kể cả giới trẻ học đường. Giới trẻ xem các mạng xã hội như: Facebook, Zalo, Twitter, Instagram, Tiktok,... là nơi để giới thiệu, chia sẻ, bày tỏ quan điểm, khẳng định bản thân và cũng để phục vụ cho học tập và giải trí. Tuy nhiên, ngoài những lợi ích to lớn, mạng Internet còn tiềm ẩn những mối đe dọa ảnh hưởng đến người dùng; mạng xã hội trở thành nơi hoành hành của các cá nhân, tổ chức núp bóng dưới các hình thức, chiêu bài khác nhau để đánh cắp thông tin cá nhân, uy hiếp người dùng với nhiều mục đích khác nhau như: tống tiền, quấy rối, đã kích, phê

phán, tẩy chay... Vô tình hoặc cố ý, giới trẻ cũng bị cuốn hút, tham gia vào những hành vi này, đặc biệt là hành vi bắt nạt qua mạng. Đây là một dạng thức bắt nạt mới, khác hẳn với hình thức bắt nạt truyền thống (bắt nạt trực tiếp) và hơn nữa, ngôn ngữ được sử dụng để thực hiện hành vi bắt nạt này ngày càng tinh vi. Do đó, nghiên cứu hành vi ngôn ngữ bắt nạt trực tuyến của giới trẻ học đường giúp ta xác định được những đặc điểm tác động của chúng để kịp thời đưa ra những phương án đề phòng và xử lý, góp phần giáo dục sử dụng an toàn mạng Internet cho học sinh hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vài nét về lịch sử nghiên cứu vấn đề

Năm 1992, World Wide Web (gọi tắt là WWW) ra đời nhờ phát minh của Tim Berners-Lee. Từ đó, mạng Internet nhanh chóng phổ biến rộng

rãi tới đông đảo công chúng. WWW ngày càng trở thành kho thông tin và tri thức khổng lồ. Tiếp sau đó, các công cụ tìm kiếm, ứng dụng cũng được phát triển, khởi đầu là Yahoo (1994), rồi Google (1998). Đầu thế kỷ XX có thêm nhiều mạng xã hội nổi tiếng như Facebook (2004), Twitter (2006), Zalo (2012), Tiktok (2016)... được rất nhiều người sử dụng. Mạng Internet là một sản phẩm vĩ đại của con người đem đến nhiều thay đổi tích cực nhưng cũng để lại nhiều ảnh hưởng tiêu cực, nhất là đối với giới trẻ.

Nghiên cứu tại các trường học ở Ấn Độ đã chỉ ra rằng: Trẻ cùng một nhóm tuổi thường xuyên tiếp xúc với ngày càng nhiều nguy hiểm trên mạng. Có 15% trẻ lướt web báo cáo đã bị quấy rối trực tuyến, 33% báo cáo tương tác với những người không xác định và 18% báo cáo đã bị bắt nạt trên mạng nhưng không ai trong số những đứa trẻ này biết cần phải làm gì. Các tác giả cũng cho rằng có một ranh giới mỏng manh giữa sử dụng internet và lạm dụng nó và một số đã vô tình vượt qua ranh giới đó. Hơn nữa các em chưa ý thức được tất cả những rủi ro có thể có và do đó không nhận ra khi phạm tội, nhất là vi phạm luật bản quyền.

Nghiên cứu của Beran T. và cộng sự (2007) trên 432 học sinh (193 nam và 239 nữ) từ lớp 7 - 9 (độ tuổi 12 - 15) tại các trường học ở Canada về trải nghiệm bị bắt nạt. Kết quả chỉ ra rằng những học sinh bị bắt nạt trên không gian mạng cũng có khả năng bắt nạt bạn bè trên không gian mạng. Ngoài ra, những học sinh chỉ bị bắt nạt trên không gian mạng và những học sinh bị bắt nạt cả trên không gian mạng và ở trường đều gặp phải những khó khăn như bị điểm thấp, kém tập trung và hay vắng mặt (Nguyễn Đậu Thanh Bình &cs., 2021).

Theo Lee, M. và cộng sự (2013), bắt nạt trên mạng còn được gọi là bắt nạt điện tử, bắt nạt qua SMS, bắt nạt kỹ thuật số hoặc bắt nạt trực tuyến, đang phát sinh và gia tăng nhanh chóng từ sự phổ biến của mạng máy tính và công nghệ truyền thông trong những năm gần đây, trở thành một vấn đề lớn của sức khỏe học đường.

Bắt nạt trên mạng có nhiều hình thức khá đa dạng như buộc tội lẫn nhau, quấy rối, vu khống, bắt chước, tiết lộ, gian lận, loại trừ và theo dõi mạng. Nhóm tác giả đề nghị rằng tổ chức một khóa học ngăn chặn tình trạng bắt nạt trên mạng có thể đem đến hiệu quả ngay lập tức những hiểu biết về bắt nạt trên mạng và còn có tác dụng duy trì sau khóa học (Beran, T.; Li, Q., 2007).

Năm 2013, công trình *Delete Cyberbullying and Make Kindness Go Viral (Xóa bỏ bắt nạt trên mạng và lan truyền lòng tốt)* của Justin W. Patchin và Sameer Hinduja được công bố. Cuốn sách có khả năng thay đổi hành vi và ảnh hưởng đến sự tương tác trên mạng xã hội liên quan đến cả thanh thiếu niên và người lớn với hàng chục câu chuyện thực tế từ những người đã từng bị bắt nạt trên mạng, trao đổi với thanh thiếu niên đang bị bắt nạt trên mạng và với những ai muốn xây dựng trường học an toàn hơn, tôn trọng hơn và thân thiện hơn (Hoang Thụy Linh Nguyen &cs, 2020).

Slonje, R., & Smith, P. K. (2008) nghiên cứu khảo sát 149 giáo viên trường công lập từ các tỉnh khác nhau ở Lebanon (một quốc gia ở Trung Đông) về bắt nạt trên mạng xung quanh 4 lĩnh vực: 1) tác động của bắt nạt trên mạng đối với học sinh, 2) các chiến lược can thiệp cần thiết đối với bắt nạt trên mạng trong trường học, 3) các chiến lược can thiệp phù hợp để bắt nạt trên mạng bên ngoài trường học, và 4) các chiến lược phòng ngừa khả thi đối với chương trình bắt nạt trên mạng. Kết quả chỉ ra rằng các giáo viên trong trường đã nhận ra những tác động tiêu cực của việc bắt nạt trên mạng đối với học sinh. Họ nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng tính cách của học sinh và thiết kế một chương trình phòng chống bắt nạt trên mạng hiệu quả.

Ở Việt Nam, kể từ khi dịch vụ Internet chính thức được cung cấp cho người dân cả nước (ngày 11/9/1997), cho đến nay, Việt Nam nằm trong số các quốc gia có tỷ lệ người dân kết nối Internet cao nhất toàn cầu. Ứng dụng công nghệ thông tin và mạng Internet đã đem đến nhiều thành quả trong việc phát triển kinh tế - xã hội,

bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ đời sống, con người. Tuy nhiên, bên cạnh đó, nhiều thách thức cũng được đặt ra. Từ đây, nhiều công trình nghiên cứu liên quan cũng đã được tiến hành.

Nhóm tác giả Nguyễn Hoàng Thùy Linh, Keiko Nakamura¹, Kaoruko Seino¹ và Võ Văn Thắng nghiên cứu trên 648 học sinh (53,2% nam và 47,7% nữ) tại 23 trường trung học công lập ở Huế. Kết quả cho thấy có mối liên hệ đáng kể ở những người đã từng bị bắt nạt trên mạng với hành vi tự làm hại bản thân. Từ đó nghiên cứu đưa ra kết luận: Bắt nạt trên mạng là một hiện tượng có liên quan đến hành vi tự làm hại bản thân của thanh thiếu niên ở các nước đang phát triển và có cả sự chấp nhận của cha mẹ thay cho một thái độ tích cực (Beran, T. & Li, Q., 2007).

Trần Văn Công và cộng sự (2015) nghiên cứu trên 736 học sinh của 8 trường THCS và THPT ở Hà Nội, Hà Nam và Hải Dương nhằm tìm hiểu mối quan hệ giữa bắt nạt trực tuyến và cách ứng phó của học sinh trung học. Kết quả cho thấy 24% học sinh được khảo sát từng là nạn nhân của ít nhất một hình thức bắt nạt trực tuyến. Nạn nhân thường ít chia sẻ việc mình bị bắt nạt và lảng tránh vấn đề này, tuy vậy các em nhận thức được sự nghiêm trọng của bắt nạt trực tuyến, coi đó không phải chuyện bình thường chỉ xảy ra trên mạng. Nhóm tác giả cũng cho biết học sinh bị bắt nạt trực tuyến ban đầu với hành vi có tính chất đơn giản nhưng có thể lặp lại nhiều lần và tác động nhanh chóng đến nạn nhân trong khoảng thời gian ngắn (Đậu Nguyễn Thanh Bình & cs, 2021).

Tác giả Lê Thị Dung (2018), qua đề tài *Hành vi bắt nạt trực tuyến của học sinh ở một số trường trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh* đã khảo sát và phân tích một số biểu hiện của người bắt nạt và người bị bắt nạt qua suy nghĩ, thái độ/ tình cảm và ý chí; chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi bắt nạt trực tuyến từ chủ quan của người bắt nạt và khách quan là các yếu tố như: nhà trường, gia đình, bạn bè. Đồng thời, tác giả cũng đề xuất kiến nghị một số giải pháp để khắc phục hành vi bắt nạt trực tuyến.

Dưới góc độ này, nhóm tác giả Hồ Thị Thanh Tâm - Trần Nguyễn Minh Huân - Lê Thị Bé Nhung - Nguyễn Mai Hà - Hồ Thị Phi Yến (2022) cũng đưa ra một số kết luận tương tự qua công trình nghiên cứu: *Nhận thức của học sinh về bắt nạt trực tuyến: Nghiên cứu trường hợp tại trường trung học phổ thông Phan Văn Trị, tỉnh Bến Tre*.

Nghiên cứu về hành vi bạo lực ngôn ngữ, nhóm tác giả Đậu Nguyễn Thanh Bình - Nguyễn Duy Thùy Linh - Trương Văn Tiễn - Trần Thị Tú Anh (2021) qua bài viết *Thực trạng hành vi bạo lực ngôn ngữ của học sinh trung học trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế* đã phân tích hành vi bạo lực ngôn ngữ trên hai bình diện giới tính và độ tuổi theo hai tiêu chí gây hấn và ôn hòa. Kết quả nghiên cứu cho thấy hành vi bạo lực ngôn ngữ có sự khác biệt về giới tính và độ tuổi. Học sinh nam có xu hướng thực hiện các hành vi gây hấn nhiều hơn học sinh nữ; học sinh THCS thể hiện hành vi gây hấn nhiều hơn học sinh THPT.

Điềm qua một số nghiên cứu trên đây cho thấy hiện nay chúng ta, nhất là giới trẻ học đường, đang đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng trên môi trường mạng. Trong đó, hành vi bắt nạt trực tuyến đang diễn ra ngày càng phức tạp, cần có nhiều nghiên cứu dưới các góc độ để nhận diện đúng và đưa ra được các giải pháp ngăn ngừa.

2.2. Phương pháp nghiên cứu và tư liệu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Nghiên cứu, phân tích các ý kiến, quan điểm có liên quan trong các tài liệu, các công trình nghiên cứu; từ đó thu thập, tổng hợp, hệ thống các thông tin cần thiết.

- Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi: Sử dụng các bảng hỏi để khảo sát học sinh tại các trường phổ thông về thực trạng bắt nạt trực tuyến hiện nay. Khảo sát được tiến hành trên 408 học sinh ở một số trường trung học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian khảo sát từ tháng 02 năm 2024 đến tháng 5 năm 2024.

- Phương pháp miêu tả, phân tích, tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng để phân tích,

miêu tả những ngữ liệu cụ thể được thu thập từ thực tế khảo sát các trường, từ ngữ liệu trên các mạng xã hội và từ các công trình nghiên cứu đã có nhằm làm nổi bật các đặc điểm của hành vi bắt nạt trên mạng internet ở giới trẻ học đường.

- Phương pháp thống kê: Sử dụng phần mềm SPSS (phiên bản 27) để xử lý, phân tích các số liệu có được từ kết quả khảo sát.

Các phương pháp được vận dụng kết hợp, có khi tùy vào từng nội dung nghiên cứu, tùy vào từng đối tượng cụ thể mà sử dụng ưu tiên một phương pháp thích hợp. Ngoài ra, một số phương pháp cơ bản trong nghiên cứu cũng được sử dụng

như: quan sát, so sánh, lập luận diễn dịch, quy nạp... trong quá trình luận giải các vấn đề.

Nội dung khảo sát xoay quanh 3 vấn đề: 1) Khảo sát về nhận thức của học sinh đối với hành vi bắt nạt trực tuyến; 2) Khảo sát về hành vi của học sinh liên quan đến bắt nạt trực tuyến; 3) Khảo sát về biện pháp của học sinh đưa ra để ứng phó với bắt nạt trực tuyến.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Nhận thức về bắt nạt trực tuyến

Khảo sát và thống kê cho thấy sự hiểu biết của đối tượng khảo sát (học sinh) về bắt nạt trực tuyến như trong bảng 1.

Bảng 1. Tỷ lệ học sinh nhận biết về bắt nạt trực tuyến

		Khối lớp			Số lượt lựa chọn	Tỷ lệ%
		Học sinh lớp 10	Học sinh lớp 11	Học sinh lớp 12		
Nhận biết về bắt nạt trực tuyến	Có biết	135	143	111	389	95,3
	Không biết	8	6	5	19	4,7
Tổng số học sinh		143	149	116	408	100

Bảng 1 cho thấy có 408 học sinh tham gia khảo sát, trong đó có 389 trường hợp có biết đến bắt nạt trực tuyến, 19 trường hợp không biết.

Như vậy số học sinh biết đến việc bắt nạt trực tuyến chiếm 95,3% tổng số học sinh tham

gia khảo sát. Để xác minh sự hiểu biết của học sinh về bắt nạt trực tuyến có được từ đâu, chúng tôi tiến hành khảo sát về các kênh thông tin mà các em nắm được. Kết quả khảo sát thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2. Nguồn gốc sự hiểu biết của học sinh về bắt nạt trực tuyến

Kênh thông tin	Lựa chọn	Khối lớp			Tổng lượt lựa chọn		% HS tham gia khảo sát	% theo lượt lựa chọn
		Khối lớp 10	Khối lớp 11	Khối lớp 12				
Mạng xã hội	Có	131	139	106	376	408	92,2	27,7
	Không	12	10	10	32		7,8	
Trường học	Có	100	99	65	264	408	64,7	19,5
	Không	43	50	51	144		35,3	
Truyền hình	Có	84	96	55	235	408	57,6	17,3
	Không	59	53	61	173		42,4	
Bạn bè, người thân	Có	76	77	69	222	408	54,4	16,4
	Không	67	72	47	186		45,6	
Báo chí	Có	66	88	54	208	408	51	15,4
	Không	77	61	62	200		49	
Phường, xã	Có	22	17	11	50	408	12,6	3,7
	Không	121	132	105	358		87,4	

Bảng 2 cho thấy các kênh thông tin phổ biến mà học sinh biết đến bắt nạt trực tuyến hiện nay. Theo đó, kênh thông tin “mạng xã hội” là kênh giúp học sinh nhận biết vấn đề này nhiều nhất, với 27% trên tổng số lượt lựa chọn “có” của học sinh. Kênh thông tin “trường học” là kênh đứng thứ hai, với 19,5%. Xếp sau là các kênh như “truyền hình” (17,3%), “bạn bè, người thân” (16,4%), “báo chí”

(15,4%); và “phường, xã” có lượt lựa chọn thấp nhất 3,7%. Khảo sát tiếp tục để hiểu rõ mức độ quan tâm của các em về bắt nạt trực tuyến, kết quả thu được khá bất ngờ. Trong tổng số 408 học sinh tham gia khảo sát, chỉ có 77 (chiếm 18,9%) trường hợp là đã từng tìm hiểu về bắt nạt trực tuyến, còn 331 (chiếm 81,1%) trường hợp thì không như trong bảng 3.1.

Bảng 3.1. Thống kê mức độ quan tâm tìm hiểu của học sinh về bắt nạt trực tuyến

		Khối lớp			Lượt lựa chọn	Tỷ lệ %
		Khối lớp 10	Khối lớp 11	Khối lớp 12		
Bạn đã từng tìm hiểu về việc bắt nạt trực tuyến chưa	Có	30	32	15	77	18,9
	Không	113	117	101	331	81,1
Tổng số học sinh		143	149	116	408	100

Kết quả thu được từ khảo sát trên phần nào cho thấy giới trẻ học đường hiện nay ít quan tâm đến hành vi bắt nạt trực tuyến, mặc dù hầu hết các em đều nhận thức được mức độ tác động của hành vi này nhưng hiểu biết của các em về vấn

đề vẫn còn mơ hồ, không rõ ràng.

2.3.2. Về đối tượng của hành vi bắt nạt trực tuyến

Khảo sát việc bắt nạt trực tuyến xảy ra nhiều ở giới tính/cấp học nào là phổ biến, kết quả như trong bảng 3.2.

Bảng 3.2. Thống kê đối tượng bị bắt nạt trực tuyến theo cấp học

Giới tính/cấp học	Lựa chọn	Khối lớp			Tổng lựa chọn		% HS tham gia khảo sát	% theo lượt lựa chọn
		Khối lớp 10	Khối lớp 11	Khối lớp 12				
Nữ/tiểu học	Có	36	17	30	83	408	20,3	6,1
	Không	107	132	86	325		79,7	
Nam/tiểu học	Có	32	22	46	100	408	24,5	7,3
	Không	111	127	70	308		75,5	
Nữ/trung học cơ sở	Có	121	120	82	323	408	79,2	23,6
	Không	22	29	34	85		20,8	
Nam/trung học cơ sở	Có	103	104	59	266	408	65,2	19,4
	Không	40	45	57	142		34,8	
Nữ/trung học phổ thông	Có	115	114	91	320	408	78,4	23,3
	Không	28	35	25	88		21,6	
Nam/trung học phổ thông	Có	100	101	78	279	408	68,4	20,3
	Không	43	48	38	129		31,6	

Bảng 3.2 cho thấy, đối tượng bị bắt nạt trực tuyến nhiều nhất là nữ. Cụ thể ở nữ/trung học cơ sở, chiếm 23,6% trên tổng số lựa chọn “có” và nữ/trung học phổ thông chiếm 23,3%. Tiếp đến lần lượt là nam/trung học phổ thông (20,3%), nam/trung học cơ sở (19,4%), nam/tiểu học 7,3%)

và thấp nhất là nữ/tiểu học, chiếm 6,1%.

2.3.3. Về môi trường diễn ra hành vi bắt nạt trực tuyến

Ở nội dung: Việc bắt nạt trực tuyến xảy ra nhiều ở nền tảng mạng xã hội hay ứng dụng nào là phổ biến. Kết quả khảo sát như trong bảng 4.

Bảng 4. Thống kê môi trường xảy ra hành vi bắt nạt trực tuyến

Môi trường	Lựa chọn		Tổng số lựa chọn	% theo lượt lựa chọn
	Có	Không		
Facebook	389	19	408	16,3
Messenger	315	93	408	13,2
Instagram	225	183	408	9,4
TikTok	308	100	408	12,9
WhatsApp	38	370	408	1,6
Twitter	153	255	408	6,4
Youtube	157	251	408	6,6
Linkedin	23	385	408	1,1
Wechat	68	240	408	2,6
Pinterest	30	378	408	1,3
Snapchat	49	359	408	2,1
QQ	36	372	408	1,5
Douyin	68	340	408	2,6
Telegram	89	319	408	3,7
Sina Weibo	34	374	408	1,4
Kuaishou	20	388	408	0,8
Reddit	56	352	408	2,3
Quora	19	389	408	0,8
Tumblr	21	387	408	1
Spoon	19	389	408	0,8
Gapo	16	392	408	0,7
Lotus	16	392	408	0,7
Zalo	166	242	408	7
Mocha	18	390	408	0,8
hahalolo	21	387	408	1
Biztime	16	392	408	0,7
Vietnamta	15	393	408	0,7
Tinder	265	143	408	23,1
Facebook Dating	130	278	408	11,4
OkCupid	34	374	408	3
Litmatch	174	234	408	15,2
Ymeetme	28	380	408	2,4
WaoDate	30	378	408	2,6
Badoo	32	376	408	2,8
DOWN Hookup	22	386	408	1,9
happn — Dating app	19	389	408	1,7
Inner Circle - Dating App	21	387	408	1,8
Chat & Date: Online Dating App	36	372	408	3,1
LOVOO - Dating App & Live Chat	25	383	408	2,2
Mingle2 - Dating & Meet People	24	384	408	2,1
Senior Meetme: Dating over 50+	23	385	408	2
Senior Dating - mature singles	22	386	408	1,9
Bigo Live	260	148	408	22,8

Bảng 4 cho thấy tần suất bắt nạt trực tuyến xảy ra nhiều nhất ở các trang mạng xã hội như: Facebook có 389 lượt chọn (chiếm 16,3%), Messenger có 315 lượt chọn (chiếm 13,2%), TikTok có 308 lượt chọn (chiếm 12,9%); trên ứng dụng hẹn hò: Tinder có 265 lượt chọn (23,1%), Bigo Live có 260 lượt chọn (chiếm 22,8%), Litmatch có 174 lượt chọn (chiếm

15,2%) và Facebook Dating có 130 lượt chọn (chiếm 11,4%). Nhìn chung đây là những nền tảng xã hội được người dùng tại Việt Nam sử dụng nhiều nên tác động đến giới trẻ học đường là điều tất yếu.

2.3.4. Về nội dung bắt nạt trực tuyến

Khảo sát nội dung bắt nạt trực tuyến, kết quả như trong bảng 5.

Bảng 5. Thống kê các nội dung bắt nạt trực tuyến

Các biến số	Lựa chọn		Tổng số lựa chọn	% theo lượt lựa chọn
	Có	Không		
Kì thị ngoại hình	380	28	408	12,8
Kì thị giới tính	304	104	408	10,2
Kì thị vùng miền	291	117	408	10
Kì thị chủng tộc	257	151	408	8,6
Kì thị tôn giáo	168	240	408	5,6
Kì thị học lực	210	198	408	7,1
Quyền riêng tư	191	217	408	6,4
Khuyết điểm	321	87	408	11
Tình yêu	248	160	408	8,3
Tình dục	201	207	408	6,8
Điểm số	199	209	408	6,5
Thành tích	205	203	408	6,7

Số liệu từ bảng 5 cho thấy hầu hết các biến đều có sự lựa chọn trên mức 100/408. Trong các biến nêu trên, biến kì thị ngoại hình (12,8%), khuyết

điểm (11%), kì thị giới tính (10,2%), kì thị vùng miền (10%), kì thị chủng tộc (8,6%) và tình yêu (8,3%) đều đạt ở mức cao hơn các biến còn lại.

2.3.5. Về loại hành vi bắt nạt trực tuyến

Khảo sát các loại hành vi bắt nạt trực tuyến, kết quả như trong bảng 6.

Bảng 6. Thống kê các loại hành vi bắt nạt trực tuyến

Hành vi	Lựa chọn		% HS tham gia khảo sát		% theo lượt lựa chọn
	Có	Không	Có	không	
Kì thị	314	94	77	23	12,6
Trêu chọc	180	228	44,1	55,9	7,2
Khiêu khích	227	181	55,6	44,4	9,1
Xúc phạm	349	58	85,5	14,5	14
Lôi kéo	129	279	31,6	68,4	5,2
Dọa nạt	305	103	74,6	25,4	12,2
Gây rối	273	135	66,9	33,1	10,9
Trấn áp - khống chế	239	169	58,5	41,4	9,6
Đe dọa	318	90	77,9	22,1	12,7
Nói bóng gió	164	244	40,2	59,8	6,5

Số liệu từ bảng 6 cho thấy các biến số như: kì thị (12,6%), xúc phạm (14%), dọa nạt (12,2%), đe dọa (12,7%) đều trên mức 300/408 học sinh tham gia khảo sát, chiếm phần trăm cao trong các biến số. Thứ đến là các biến như: khiêu khích (9,1%), gây rối (10,9%), trấn áp - không chế (9,6%) dao động từ mức 200 < 300 lựa chọn của học sinh tham gia khảo sát. Còn lại là các biến: trêu chọc (7,2%), lời kéo (5,2%), nói bóng

gió (6,5%) đạt mức dưới 200/408 học sinh. Tuy nhiên nếu nhìn tổng thể ta thấy hầu hết các biến số lựa chọn đưa vào khảo sát đều đạt ở mức lý tưởng, tức là các hành vi đó đã và đang xảy ra ở giới trẻ học đường hiện nay.

2.3.6. Về biểu hiện nhận biết hành vi bắt nạt trực tuyến

Khảo sát về các biểu hiện cho thấy một ai đó đang bị bắt nạt trực tuyến, kết quả như trong bảng 7.

Bảng 7. Thống kê dấu hiệu nhận biết người bị bắt nạt trực tuyến

Các biến số	Lựa chọn		Tổng số lựa chọn	% theo lượt lựa chọn
	Có	Không		
Nóng tính	142	266	408	4,2
Hay căng thẳng	270	138	408	8
Hay cáu gắt	148	260	408	4,4
Thụ động	276	132	408	8,2
Buồn bã	293	115	408	8,7
Dễ khóc	274	134	408	8,1
Thích một mình	241	167	408	7,1
Ít giao tiếp	316	192	408	9,4
Không tập trung	250	158	408	7,4
Hay ngủ	101	307	408	3
Lạnh lùng	141	267	408	4,2
Hay nghỉ học	235	173	408	7
Học sa sút	291	117	408	8,6
Hay vi phạm	108	300	408	3,2
Hay đi trễ	84	324	408	2,5
Hay chửi thề	97	311	408	2,9
Chia sẻ nhiều trên mạng	106	302	408	3,1

Bảng 7 cho thấy sự chênh lệch giữa các biến số khá lớn. Biến số có lượt chọn cao nhất là biến ít giao tiếp có 316/408 học sinh lựa chọn (chiếm 9,4%), biến thấp nhất là biến hay đi trễ có 84/408 học sinh lựa chọn (chiếm 2,5%). Ngữ liệu thống kê này góp phần quan trọng trong việc phát hiện

và đưa ra những chiến lược ứng phó kịp thời đối với nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến.

2.3.7. Về nguyên nhân của hành vi bắt nạt trực tuyến

Khảo sát về nguyên nhân của bắt nạt trực tuyến, kết quả như trong bảng 8.

Bảng 8. Thống kê nguyên nhân bắt nạt trực tuyến

Các biến số	Lựa chọn	Giới tính		Tổng lựa chọn		% HS tham gia khảo sát	% theo lượt lựa chọn
		Nam	Nữ				
Thể hiện bản lĩnh	Có	173	137	310	408	76	9,3
	Không	46	52	98		24	
Tạo sự ảnh hưởng	Có	122	116	238	408	58,3	7,2
	Không	97	73	170		41,7	
Gây sự chú ý	Có	155	149	304	408	74,5	9,2
	Không	64	40	104		25,5	
Ganh đua học tập	Có	84	110	194	408	47,5	5,8
	Không	135	79	214		52,5	
Cạnh tranh tình yêu	Có	166	139	305	408	74,7	9,2
	Không	53	50	103		25,3	
Khẳng định cái tôi	Có	158	131	289	408	70,8	8,7
	Không	61	58	119		29,2	
Thị uy sức mạnh	Có	137	124	261	408	64	7,9
	Không	82	65	147		36	
Thói quen chọc ghẹo	Có	118	123	241	408	59,1	7,3
	Không	101	66	167		40,9	
Làm theo phim ảnh	Có	66	69	135	408	33,1	4,1
	Không	153	120	273		66,9	
Kẻ xấu tác động	Có	102	97	199	408	48,8	6
	Không	117	92	209		51,2	
Mâu thuẫn cá nhân	Có	168	155	323	408	79,2	9,7
	Không	51	34	85		20,8	
Sở thích cá nhân	Có	74	68	142	408	34,8	4,3
	Không	145	121	266		65,2	
Tham gia thử thách	Có	58	48	106	408	26	3,2
	Không	161	141	302		74	
Săn quà tặng online	Có	27	25	52	408	12,7	1,7
	Không	192	164	356		87,3	
Câu view, câu like	Có	113	107	220	408	53,9	6,4
	Không	106	82	188		46,1	

Số liệu bảng 8 cho thấy nguyên nhân dẫn tới hành vi bắt nạt trực tuyến cao nhất là “mâu thuẫn cá nhân” có 323/408 học sinh lựa chọn (chiếm 9,7%), kế đến là “thể hiện bản lĩnh” có 310/408 học sinh lựa chọn (chiếm 9,3%), “gây sự chú ý” có 304/408 học sinh lựa chọn (chiếm 9,2%), “cạnh tranh tình yêu” có 305/408 học sinh lựa chọn (chiếm 9,2%). Bên cạnh đó các biến như: tạo sự ảnh hưởng (7,2%), khẳng định

cái tôi (8,7%), thị uy sức mạnh (7,9%), thói quen chọc ghẹo (7,3%), câu view - câu like (6,4%) có mức lựa chọn dao động từ mức $200 < 300$. Biến có mức chọn thấp nhất là biến săn quà tặng online (52/408 lựa chọn, chiếm 1,7%).

Khảo sát nguyên nhân dẫn đến việc nạn nhân bị đối tượng không chế và bắt nạt (nhìn từ góc độ đối tượng của hành vi), kết quả như trong bảng 8.

Bảng 9. Thống kê nguyên nhân dẫn đến bị đối tượng bắt nạt không chế

Các biến số	Lựa chọn	Giới tính		Tổng lựa chọn		% HS tham gia khảo sát	% theo lượt lựa chọn
		Nam	Nữ				
Thiếu sự quan tâm từ gia đình	Có	159	146	305	408	74,8	10,8
	Không	60	43	103		25,2	
Thiếu thốn tình cảm người thân	Có	109	120	299	408	73,3	10,6
	Không	110	69	179		26,7	
Không được mọi người coi trọng	Có	133	138	271	408	66,4	9,6
	Không	86	51	137		33,6	
Tự ti, mặc cảm về bản thân	Có	151	152	303	408	74,2	10,7
	Không	68	37	105		25,8	
Áp lực của gia đình	Có	92	113	205	408	50,2	7,3
	Không	127	76	203		49,8	
Áp lực từ việc học	Có	87	100	187	408	45,8	6,6
	Không	132	89	221		54,2	
Trốn tránh thực tại	Có	116	108	224	408	54,9	7,9
	Không	103	81	184		45,1	
Yêu mù quáng	Có	99	87	186	408	45,6	6,6
	Không	120	102	222		54,4	
Tiết lộ nhiều thông tin lên mạng xã hội	Có	132	115	247	408	60,5	8,7
	Không	87	74	161		39,5	
Tò mò truy cập các trang web đen	Có	91	80	171	408	41,9	6,1
	Không	128	109	237		58,1	
Thiếu hiểu biết về việc sử dụng mạng	Có	114	110	224	408	54,9	7,9
	Không	105	79	184		45,1	
Thiếu hiểu biết về Luật an ninh mạng	Có	103	101	204	408	50	7,2
	Không	116	88	204		50	

Phân tích số liệu từ bảng 9 cho thấy, nguyên nhân dẫn đến việc nạn nhân bị đối tượng không chế và bắt nạt có mức lựa chọn cao nhất lần lượt là “thiếu sự quan tâm từ gia đình” có 305/408 học sinh lựa chọn (chiếm 10,8%) và “tự ti, mặc cảm về bản thân” có 303/408 học sinh lựa chọn (chiếm 10,7%). Các biến còn lại đều dao động ở mức tương đối.

Kết quả điều tra khảo sát và phân tích nguồn ngữ liệu ở phần này, đã đem đến cho chúng tôi cơ sở dữ liệu trong việc phân tích và lý giải những căn nguyên có thể dẫn tới các hành vi bắt nạt trực tuyến hiện nay ở giới trẻ học đường. Từ việc nghiên cứu này có thể giúp phát hiện và can thiệp kịp thời các hành vi bắt nạt gây

đến những tổn hại khó lường về mặt tinh thần, tâm lý, cũng như sức khỏe.

2.3.8. Về phương tiện thực hiện hành vi bắt nạt trực tuyến

Trên môi trường mạng, hành vi bắt nạt được thực hiện bằng các phát ngôn trực tiếp rất đa dạng với nhiều mục đích khác nhau như: lời kéo, trêu chọc, khiêu khích, kì thị, xúc phạm, gây rối, dọa nạt, đe dọa, trấn áp - khống chế, nói bóng gió... trong đó, đích ở lời mà phát ngôn hướng tới được phát lộ rõ trên bề mặt chữ nghĩa. Một số hành vi tiêu biểu như sau:

- Hành vi cô lập đối tượng:

Ví dụ: *Tụi bây không được chơi với nó. Bỏ xì nó đi!*

- Hành vi trêu chọc:

Ví dụ: *Hahahaha, buồn cười lắm. Mày mập lắm, haha.*

- Hành vi khiêu khích:

Ví dụ: *Nói chuyện cái gì đánh lộn luôn đi. Mày nghĩ mày là ai?*

- Hành vi kì thị:

Ví dụ: *Thằng mỗ coi. Trời! con nhỏ da đen quá mày ơi!*

- Hành vi xúc phạm:

Ví dụ: *Con nhỏ này vừa xấu vừa ngu. Mày mập như heo.*

- Hành vi gây rối:

Ví dụ: *Đi chết đi thằng ngu. Mày không nên được sinh ra.*

- Hành vi dọa nạt:

Ví dụ: *Mày coi chừng mày á. Tin tao đánh mày không?*

- Hành vi đe dọa:

Ví dụ: *Đừng để tao thấy. Tao cảnh cáo mày một lần nữa.*

- Hành vi trăn áp - không chế:

Ví dụ: *Mày không nghe lời tao, tao sẽ xử mày. Đưa tiền của mày đây.*

Một điều rất đáng chú ý là trong một số biểu thức ngôn ngữ, tuy mục đích bắt nạt không được hiển ngôn nhưng một cách gián tiếp, người đọc vẫn nhận ra được.

Ví dụ:

- *Hi bạn! Mai đi học nha! Cuối tháng rồi.*

- *Sao bạn non thế?*

- *Ừ thì mày giỏi!*

- *Ra về gặp tao cổng sau.*

Đây là hình thức “ném đá giấu tay” rất được ưa dùng vì người nói tỏ vẻ rõ quyền lực nhưng ẩn ý, nói bóng gió để tránh sự đe dọa trực tiếp và đặc biệt là tránh bị lộ diện.

Ngoài ra, một số phương tiện phi ngôn ngữ cũng được dùng kèm theo trong các biểu thức bắt nạt như các biểu tượng, hình ảnh: mặt xấu, nắm đấm, dislike...

Một số đặc điểm của hành vi bắt nạt trực tuyến được giới thiệu như trên cho thấy đây là hiện tượng rất phức tạp, lây lan rất nhanh. Đặc biệt là các phương tiện thể hiện rất đa dạng, vừa trực tiếp vừa gián tiếp, chứa đầy ẩn ý, có tác động rất mạnh đến tâm lý đối tượng.

3. Kết luận

Bắt nạt trực tuyến là hành vi cần phải ngăn cấm. Vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu sâu hơn để có được những giải pháp triệt để; nhất là những giải pháp liên quan đến việc giáo dục sử dụng ngôn ngữ trên mạng Internet cho giới trẻ học đường. Các giải pháp này phải đồng bộ, toàn diện trên các phương diện như: Giáo dục ý thức, thái độ sử dụng ngôn ngữ trên mạng Internet; rèn luyện kỹ năng lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ trong các phạm vi giao tiếp; huấn luyện các chiến lược giao tiếp an toàn trên mạng Internet; ban hành những quy định, điều khoản cụ thể có sức can thiệp và tác động đến ý thức và hành vi đối với người dùng mạng xã hội...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Thông tin và Truyền thông. (2022). *Cẩm nang phòng chống tin giả, tin sai sự thật trên không gian mạng*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

Đậu Nguyễn Thanh Bình., Nguyễn Duy Thùy Linh., Trương Văn Tiến., Trần Thị Tú Anh. (2021). Thực trạng hành vi bạo lực ngôn ngữ của học sinh trung học trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Đại học Huế*, 2(62), 150-162.

Trần Văn Công., Nguyễn Phương Hồng Ngọc., Ngô Thùy Dương., Nguyễn Thị Thắm. (2015), “Chiến lược ứng phó của học sinh với bắt nạt trực tuyến”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Giáo dục*, Tập 31, Số 3 (2015) 11-24.

Lê Thị Dung. (2018). *Hành vi bắt nạt trực tuyến của học sinh ở một số trường trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Trường ĐHSPTP. Hồ Chí Minh.

- PwC. (2020). *An ninh mạng trong thời đại mới*, Thông cáo báo chí tháng 10/2020. <https://www.pwc.com/vn/vn/media/press-release/201021-digital-trust-insights-vn.pdf>
- Samridh Saluja1., Divya Bansal., Shaurya Saluja. (2012). *Cyber Safety Education in High Schools*. IPCSIT vol. 47(2012) © (2012) IACSIT Press, Singapore.
- Beran, T.; Li, Q. (2007). The Relationship between Cyberbullying and School Bullying, *Journal of Student Wellbeing*, 1, 2 (2007) 15.
- Lee M., Zi-Pei W, Svanström L, Dalal K. (2013). *Phòng chống bắt nạt trên mạng: Can thiệp ở Đài Loan*. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0064031>.
- Patchin J. W.; Hinduja, S. (2014). *Words Wound: Delete cyberbullying and make kindness go viral*, Free Spirit Publishing, 2014.
- Slonje, R., & Smith, P. K. (2008). Cyberbullying: Another Main Type of Bullying? *Scandinavian Journal of Psychology*, 49, 147-154. <https://doi.org/10.1111>
- Hoang Thuy Linh Nguyen., Keiko Nakamura1., Kaoruko Seino., Van Thang Vo. (2020). *Relationships among cyberbullying, parental attitudes, self-harm and suicidal behavior among adolescents: results from a school-based survey in Vietnam*. <https://cyberbullying.org/research/map/vietnam>.
<https://www.brandsvietnam.com/congdong/topic/323902-Data-Station-25-Digital-2022>.
<https://ceid.gov.vn/tinh-hinh-an-ninh-mang-va-xu-huong-toi-pham-mang-tai-viet-nam-giai-doan-2022-2023/>.
<http://ddsb.ca/Students/SafeSchools/Pages/Default.aspx>.
<http://safeschools.no/>.
<https://www.paulfletcher.com.au/blog/cyber-safety-and-cyber-security-whats-the-difference>.